

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 06 - 9 - 2017
V/v Xin ly hôn, tranh chấp nuôi
con, chia tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Hồng;
Bà Chu Thị Nguyễn Phin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Mông Thị Mai
Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2017/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 7
năm 2017 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm
2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2017/QĐ-PT ngày
15 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1987;

Cư trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1986;

Cư trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người kháng cáo:

1. Anh Nguyễn Đức H là nguyên đơn;

2. Chị Hoàng Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Đức H và chị Hoàng Thị B kết hôn vào cuối năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2013 ngày 11/4/2013. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2014, hai vợ chồng chuyển ra ở riêng và bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 02/2016, anh Nguyễn Đức H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, còn chị Hoàng Thị B vẫn ở tại ngôi nhà của hai vợ chồng và sống ly thân từ đó đến nay.

Ngày 15 tháng 02 năm 2017, anh Nguyễn Đức H có đơn xin ly hôn chị Hoàng Thị B với lý do: Từ cuối năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trở nên ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do chị B có những mối quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với nhiều người đàn ông khác, không hoàn thành nghĩa vụ của người vợ, người mẹ trong gia đình. Chị Hoàng Thị B thường xuyên đi làm sớm về muộn, không chăm lo việc gia đình, không đưa đón con đi học, mọi việc trong nhà đều do một mình anh quán xuyến. Anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Hoàng Thị B.

Bị đơn chị Hoàng Thị B xác nhận về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn đúng như anh H trình bày. Thừa nhận từ năm 2014, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhưng cho rằng mâu thuẫn vì quan điểm sống không giống nhau. Từ năm 2015, chị đã có đơn xin ly hôn nhưng sau đó do thương con nên đã rút đơn về. Chị Hoàng Thị B cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh H yêu cầu ly hôn chị nhất trí.

Về con chung: Anh H và chị Hoàng Thị B có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 09/5/2013, hiện nay cháu H đang sinh sống cùng anh H. Cả anh H và chị Hoàng Thị B đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu bên kia góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh H và chị Hoàng Thị B có mua được một mảnh đất diện tích 69m² của vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Quỳnh N, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 tại địa chỉ thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Tổng giá trị tài sản cả nhà và đất là 600.000.000 đồng.

Anh H và chị Hoàng Thị B cả hai đều yêu cầu được quản lý, sở hữu khối tài sản chung gồm nhà và đất và thanh toán tiền cho bên kia. Anh H đồng ý trả cho chị B một nửa giá trị tài sản chung là 300.000.000 đồng; còn chị B đồng ý thanh toán cho anh H 400.000.000 đồng.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ gì ai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 59; Điều 62 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24 và các điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức H và chị Hoàng Thị B.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2013 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành (18 tuổi), chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị B có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền lợi của trẻ, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Chị B được quyền quản lý, sử dụng mảnh đất diện tích 69m² địa chỉ thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu ngôi nhà cấp bốn trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 912404 đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Quỳnh N, và phải thanh toán một nửa giá trị tài sản chung cho anh Nguyễn Đức H số tiền là: 300.000.000 đồng. Chị B có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Đức H có đơn yêu cầu thi hành án, chị Hoàng Thị B chưa trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch. Xác nhận anh H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2012/03555 ngày 07 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Anh H còn phải nộp tiếp số tiền 15.000.000 đồng;

Chị Hoàng Thị B phải chịu 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

- Ngày 19 tháng 7 năm 2017 bị đơn chị Hoàng Thị B có đơn kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H với lý do: Cháu Nguyễn Ngọc H là con gái, còn nhỏ mới được 4 tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ; thu nhập hàng tháng của chị gấp đôi anh H; khi cháu H ở với anh H, anh H và gia đình ngăn cản việc chị thăm con

- Ngày 21 tháng 7 năm 2017 nguyên đơn anh Nguyễn Đức H có đơn kháng cáo yêu cầu được chia tài sản chung là đất và nhà ở trên đất, anh sẽ thanh toán số tiền 300.000.000 đồng cho chị B. Nếu chị B được giao sở hữu khối tài sản trên, anh H thì chị B phải thanh toán cho anh thêm vì anh cho rằng anh đã bỏ ra nhiều tiền và công sức hơn trong việc sửa chữa ngôi nhà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Nguyễn Đức H và chị Hoàng Thị B đều giữ nguyên nội dung kháng cáo. Ngoài lý do nêu trong đơn anh H còn cho rằng hiện nay anh không có nhà ở, hiện nay theo quyết định của Tòa án anh là người nuôi con; còn chị B được bố mẹ chia cho nhà ở; anh kinh doanh thêm máy tính nên ở ngôi nhà đó sẽ thuận tiện cho việc phát triển kinh doanh của anh

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm;

- Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Đức H: Bản án sơ thẩm xử cho chị Hoàng Thị B sở hữu nhà và thanh toán cho anh H 1/2 giá trị nhà với số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm chị B tự nguyện thanh cho anh H số tiền 400.000.000 đồng, xét phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị chấp nhận;

- Xét nội dung kháng cáo của chị Hoàng Thị B: Chị Hoàng Thị B kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con là có căn cứ, đề nghị chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Nguyễn Ngọc H cho chị Hoàng Thị B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng; ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại cấp sơ thẩm anh Nguyễn Đức H và chị Hoàng Thị B đều nhất trí ly hôn. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Đức H và chị Hoàng Thị B đều không kháng cáo; bản án không bị kháng nghị, do vậy quyết định về quan hệ hôn nhân đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của anh H về việc chia tài sản và kháng cáo của chị B về con chung, thấy rằng:

[3] Thứ nhất về con chung: Anh Nguyễn Đức H và chị Hoàng Thị B có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 09/5/2013, đến nay cháu được 4 tuổi. Vợ chồng mâu thuẫn, nên từ tháng 02 năm 2016 anh H đưa con về sống chung với bố mẹ đẻ.

[4] Xét về điều kiện nuôi dưỡng: Anh H là giáo viên công tác tại Trường tiểu học I xã Đ, huyện T, thu nhập là 4.430.000 đồng/tháng; Anh H đang ở tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn K, xã Đ, huyện T; chị Hoàng Thị B công tác tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T, thu nhập tháng 9.725.000 đồng; chị B đang ở tại ngôi nhà chung của vợ chồng. Xét về điều kiện vật chất thì cả anh H và chị B đều có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con.

[5] Tuy nhiên thấy rằng, mức thu nhập của chị Hoàng Thị B cao gấp đôi mức thu nhập tháng của anh H. Đặc biệt hơn cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 09/5/2013, đến nay mới được 4 tuổi, còn rất nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ và cháu lại là con gái do đó việc giao cho người mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu là phù hợp hơn với tâm sinh lý của cháu. Việc cháu đang ở với anh H tại nhà bố mẹ đẻ anh là do anh H đưa cháu về đây ở chứ không phải do chị Hoàng Thị B không chăm sóc con. Tại phiên tòa sơ thẩm anh H cũng thừa nhận mẹ anh đã ngăn cản không cho chị Hoàng Thị B đến đón con. Như vậy khi anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng con đã ngăn cản việc thăm, chăm sóc con của chị Hoàng Thị B. Việc này ảnh hưởng nhu cầu tình cảm của trẻ em cũng như nghĩa vụ chăm sóc con theo quy định. Bởi vậy cần chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị B. Giao cháu Nguyễn Ngọc H cho chị Hoàng Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại và thăm nom, chăm sóc con.

[6] Thứ hai về chia tài sản chung: Anh H và chị Hoàng Thị B có tài sản chung là mảnh đất diện tích 69m², trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4, anh chị đều xác định giá trị của khối tài sản chung trên là 600.000.000 đồng. Anh H kháng cáo yêu cầu được trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản chung trên, anh sẽ thanh toán giá trị tài sản chung bằng tiền cho chị Hoàng Thị B là 300.000.000 đồng. Qua lời trình bày của hai bên, kể từ khi anh chị ly thân (tháng 02/2016) anh H đã về nhà

bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay; ngôi nhà đang được chị Hoàng Thị B quản lý, sử dụng. Anh H cũng thừa nhận mình là con trai duy nhất của gia đình, dưới anh còn 01 em gái đã đi lấy chồng, nên xét anh cũng đã có chỗ ở với cùng bố mẹ đẻ. Trong khi đó, chị Hoàng Thị B khẳng định ngoài ngôi nhà cấp bốn của hai vợ chồng mà chị đang sống thì chị không còn nơi ở nào khác vì chị là gái đã đi lấy chồng nên không thể quay về nhà bố mẹ đẻ để sống như anh H được. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giao tài sản chung là diện tích đất và ngôi nhà cho chị Hoàng Thị B sở hữu và buộc chị B phải thanh toán giá trị tài sản cho anh Nguyễn Đức H là có căn cứ. Mặt khác như phân tích tại phần trên có căn cứ giao cháu Nguyễn Ngọc H cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục. Do đó để thuận lợi cho việc chăm sóc con, việc tiếp tục giao cho chị B sở hữu nhà và thanh toán tiền cho anh H là hợp lý. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của anh H yêu cầu được sở hữu nhà. Do Hợp đồng chuyển nhượng với hộ ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Quỳnh N chưa được đăng ký nên chị Hoàng Thị B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài chính và đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[7] Anh H còn cho rằng anh đóng góp nhiều hơn trong việc sửa nhà, cụ thể chị Hoàng Thị B chỉ đóng góp 250.000.000 đồng mua nhà và 20.000.000 đồng để sửa nhà do đó anh đề nghị buộc chị B phải thanh toán thêm cho anh giá trị tương ứng với số tiền và công sức anh đã bỏ ra để đóng góp vào khối tài sản chung. Thấy rằng khối tài sản chung được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, anh chị đều thừa nhận đã cùng góp tiền mua và sửa chữa ngôi nhà; việc mỗi người bỏ ra bao nhiêu tiền và công sức đóng góp ngoài các lời khai không còn tài liệu nào khác chứng minh do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia đều khối tài sản chung cho anh chị mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa chị Hoàng Thị B cũng đồng ý thanh toán cho anh H số tiền 400.000.000 đồng (tương ứng với 66% trị giá tài sản). Xét thấy, việc tự nguyện của chị Hoàng Thị B có căn cứ đáp ứng được một phần kháng cáo của anh H nên cần công nhận

[8] Từ các phân tích trên xử sửa một phần bản án sơ thẩm về phần nuôi con và chia tài sản chung.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch: Do sửa án sơ thẩm về phần chia tài sản chung nên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại. Anh H phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị tài sản được chia là 400.000.000 đồng ($400.000.000đ \times 5\% = 20.000.000đ$); chị Hoàng Thị B phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị tài sản được chia là 200.000.000 đồng ($200.000.000đ \times 5\% = 10.000.000đ$);

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên anh Nguyễn Đức H và chị Hoàng Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[11] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 59; Điều 62 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24 và các điểm a, b khoản 5 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức H và chị Hoàng Thị B.

2. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Đức H phải giao cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2013 cho chị Hoàng Thị B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Nguyễn Ngọc H trưởng thành (18 tuổi).

Anh Nguyễn Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì quyền lợi của trẻ, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung:

- Chị Hoàng Thị B được quyền quản lý, sử dụng mảnh đất diện tích 69m² địa chỉ thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu ngôi nhà cấp bốn trên đất theo Hợp đồng chuyển nhượng với hộ ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Quỳnh N.

Chị Hoàng Thị B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài chính và đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Chị Hoàng Thị B phải thanh toán giá trị tài sản chung (nhà, đất) cho anh Nguyễn Đức H số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Đức H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Hoàng Thị B chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, với mức lãi suất là 10%/năm.

4. Về án phí:

a. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch. Xác nhận anh H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2012/03555 ngày 07 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Anh H còn phải nộp tiếp số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) ;

Chị Hoàng Thị B phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

b. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Đức H và chị Hoàng Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả anh Nguyễn Đức H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2012/03597 ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Hoàn trả chị Hoàng Thị B số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2012/03600 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H.T, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H.T, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự; HCTP; KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trung Vân